

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/DS – ST
Ngày: 6/01/2020
V/v ‘Tranh chấp
quyền sử dụng đất và nhà ở’

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Trung Hậu

2. Ông Đồng Phước Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân tham gia phiên toà: ông Nguyễn Hoàng Danh kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLST-DS, ngày 3 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/TLST-DS, ngày 14 tháng 11 năm 2019; quyết định hoãn phiên tòa số 134/2019/QĐST – DS ngày 29/11/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 141/2019/QĐST – DS ngày 18/12/2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thùy D, sinh năm 1994 (có mặt)

Trú quán: Tổ 11, ấp TY, xã TT, huyện Bt, Vĩnh Long.

Chị Ngô Thùy D ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1968; địa chỉ: tổ 9, ấp TL, xã TQ, huyện BT, Vĩnh Long. (văn bản ủy quyền ngày 9/3/2019) (có mặt)

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị KN, sinh năm 1977 (có mặt)

HKTT: ấp H T, xã HT, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Tổ 11, ấp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Bà Lê Thị R, sinh năm 1951(xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, ấp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản khai cùng ngày 02/4/2018 nguyên đơn chị Ngô Thùy D trình bày: Vào khoảng tháng 9/2016, chị D có nhờ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị KN mua nhà và đất của bà Lê Thị R (nằm Rì) gồm: một căn nhà cấp 4 vách xây tường, mái lợp tol, xây dựng trên phần đất thuộc khu C, lô số 3, chiều ngang 5m, dài 18m, tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ ấp Tân Yên, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long với giá 80.000.000 đồng; việc mua bán có làm giấy tay giữa bà N và bà R, không nhớ ngày tháng năm (giấy tay do bà N giữ); không làm hợp đồng chuyển nhượng vì đất chưa được cấp quyền sử dụng đất. Khi mua do chị D đi làm ăn ở ĐT nên không trực tiếp sử dụng nên nhờ bà N trực tiếp trông coi.

Do căn nhà đã cũ, chị D có nhờ thợ sửa chữa là ông bà B là di dưỡng ruột của bà N, ông Nguyễn Tánh H là em ruột của bà N vào tháng 11/2016, số tiền sửa chữa nhà khoảng 150.000.000 đồng.

Khi mua nhà, đất và sửa chữa nhà thì có những người sau đây biết việc chị D xuất tiền ra mua vật tư và sửa chữa nhà gồm: ông B là dưỡng ruột của bà N; Nguyễn Tánh H là em ruột của bà N, Nguyễn Trung T là bạn trai của chị D; bà Dương Ngọc L là em dâu của bà N; bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của bà N.

Vào tháng 10/2017 chị D có ý định về nhà ở thì phát hiện bà N có cho một người đàn ông khác ở trong nhà nhưng chị D không đồng ý nên chị D yêu cầu bà N đuổi người đàn ông đó ra khỏi nhà, bà N có hứa sẽ không cho người đàn ông đó vào nhà ở nhưng bà N không thực hiện lời hứa, bà N nói là nhà của bà.

Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị KN trả cho chị D một căn nhà cấp 4 vách xây tường, mái lợp tol, xây dựng trên phần đất thuộc khu C, lô số 3, chiều ngang 5m, dài 18m, tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ ấp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long.

*Tại bản tường thuật ngày 8/5/2018 bà Nguyễn Thị KN trình bày:

Vào khoảng tháng 6/2016, bà N và con là Ngô Thùy D có mua nhà của bà Lê Thị R (nằm R) gồm: một căn nhà cấp 4 vách xây tường, mái lợp tol, xây dựng trên phần đất thuộc khu C, lô số 3, chiều ngang 6m, dài 25m, tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ ấp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long với giá 80.000.000 đồng; đưa cọc trước cho bà R là 20.000.000 đồng vào ngày 9/5/2016, số tiền đặt cọc là của D đưa cho bà N, đến ngày 2/8/2016 đưa thêm 60.000.000 đồng là hoàn tất và phía bà N nhận nhà và đất. Hai bên có làm giấy chuyển nhượng nhà ở do bà Lê Thị R là người ký chuyển nhượng, bà N là người nhận chuyển nhượng, giấy chuyển nhượng có xác nhận của của trưởng ấp TY là ông Phạm Văn Ng vào ngày 2/8/2016.

Trong số tiền mua nhà 80.000.000 đồng, có 30.000.000 đồng là tiền của bà N, D có 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng là tiền của Tr là bạn trai của D, đưa tiền cho D để đưa cho bà N. Bà N không biết họ tên, địa chỉ, nhưng chỉ biết T ở SD, tỉnh Đồng Tháp làm nghề thợ sắt.

Vào tháng 10/2016 âm lịch, bà N sửa lại nhà (đóng la phong, xây thêm nhà vệ sinh, nhà bếp ngang 6 dài 3,9m, làm thêm một bộ cửa sắt, kiếng mới; lợp thêm mái che phần sân ngang 6m dài 5m, lợp mái che phần hông nhà ngang 1,6m dài 10m). Bạn trai của D là P cho bà N 10.000.000 đồng phụ sửa nhà. D đưa tiền nhiều

lần cho bà N để sửa nhà bà N không nhớ, trả tiền thợ là 20.000.000 đồng, tiền vật tư là 70.000.000 đồng, tiền thợ 10.000.000 đồng là tiền của bà N. Tổng cộng tiền sửa nhà khoảng 140.000.000 đồng, chưa có phần mái che, sân, và bên hông nhà. Trong đó tiền của bà N là 90.000.000 đồng, tiền của D là 50.000.000 đồng.

Từ khi mua nhà cho đến nay nhà và đất do bà N trực tiếp quản lý và sử dụng. Bà N xác định nhà và đất là tài sản chung của bà N và 2 con bà là Ngô Thùy D và Ngô Thúy Á.

Nay bà N không đồng ý trả cho D căn nhà cấp 4 vách xây tường, mái lợp tol, xây dựng trên phần đất thuộc khu C, lô số 3, chiều ngang 5m, dài 18m, tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ ấp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long. Ngô Thùy D có về ở thì về, bà N không xua đuổi, hay tranh chấp gì với D.

*Tại bản tường trình ngày 2/5/2018 của chị Nguyễn Thị T trình bày: chị T là con ruột của bà Lê Thị R, sinh năm 1950, cư ngụ tổ 11, ấp Tân Y, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long. Hôm nay chị T xin tường trình cho quý Tòa là bà R bị bệnh tai biến, sốt bại não, không đi đứng được và không nói chuyện được nên không thể tham gia tất cả các phiên hòa giải, phiên tòa. Xin vắng mặt tất cả các phiên hòa giải và phiên tòa.

*Căn cứ vào trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 7/3/2019 của chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện Bình Tân.

- Thửa 22 (lô số 3), diện tích 150,0 m², đất ở nông thôn, gồm các mốc 1,2,3,4,1.

*Căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 8/10/2019 của Hội đồng định giá huyện Bình Tân:

- Về phần đất tranh chấp: thửa đất số 22 (lô số 3), diện tích 150 m², loại đất ở nông thôn, đơn giá 200.000 đồng /1m². Thành tiền 150 m² x 200.000 đồng = 30.000. 000 đồng;

- Về phần nhà:

+ Nhà bán tạp hóa: khung cột tiền chế, mái tole, vách lưới B40 + khung sắt nền gạch men, diện tích xây dựng là 48,38 m², xây dựng vào năm 2017: giá trị sử dụng: 48,38 m² x 950.000 đồng/1m² x 0,9 x 90% = 37.581.100 đồng.

+ Nhà ở chính: khung cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tường, nền gạch men, không trần, diện tích xây dựng là 39,20 m², xây dựng vào năm 2010: giá trị sử dụng là: 39,2 m² x 3.062.000 đồng x 55% = 66.016.720 đồng.

+ Nhà sau: khung cột bê tông cốt thép, mái tole, vách tường, nền gạch men, không trần, diện tích xây dựng là 22,4 m², xây dựng vào năm 2016: giá trị sử dụng là: 22,4 m² x 3.062.000 đồng x 85% = 58.300.480 đồng.

Tổng cộng là 161.898.160 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn, một trăm sáu mươi đồng).

*Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh Nguyễn Thanh N đại diện ủy quyền của chị Ngô Thùy D trình bày: chị D yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều N trả cho chị D một căn nhà cấp 4 vách xây tường, mái lợp tol, xây dựng trên phần đất thuộc khu C, lô

số 3, chiều ngang 5m, dài 18m, tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ ấp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long.

- Chị Ngô Thùy D trình bày: Tiền mua nhà và đất là 80.000.000 đồng và tiền sửa chữa nhà là 150.000.000 đồng và tiền mở tiệm tạp hóa cho bà N bán là 30.000.000 đồng; bằng hiệu 2.500.000 đồng; tiền mua card điện thoại 4.000.000 đồng; tiền mua tủ kem 4.500.000 đồng. Tất cả là tiền của chị D. Chị D cung cấp những người làm chứng và hiểu biết sự việc chị đưa tiền cho bà N. Chị D yêu cầu bà N trả căn nhà lại cho chị D và chị D không yêu cầu bà N trả lại tiền mở tiệm tạp hóa 30.000.000 đồng; bằng hiệu 2.500.000 đồng; tiền mua card điện thoại 4.000.000 đồng; tiền mua tủ kem 4.500.000 đồng. Ngoài ra chị D không yêu cầu gì thêm.

- Bà Nguyễn Thị KN trình bày: Tại phiên tòa hôm nay bà N thừa nhận tiền mua nhà và đất và tiền sửa chữa nhà, tiền mở tiệm tạp hóa là tiền của con bà N là Ngô Thùy D cho bà, bà N cũng có đóng góp một ít tiền nhưng không nhớ là bao nhiêu. Do đó bà N mới được đứng tên giấy tay chuyển nhượng nhà và đất với bà Lê Thị R. Vì vậy bà N xác định căn nhà và đất này là tài sản chung của bà N và 2 con của bà là Ngô Thùy D và Ngô Thùy Á. Bà N làm chủ nhà còn 2 con bà N là Ngô Thùy D và Ngô Thùy Á muốn về nhà chơi lúc nào cũng được. Bà N khẳng định tiền mua nhà và đất và tiền sửa chữa nhà, tiền mở tiệm tạp hóa là tiền của con bà N là Ngô Thùy D cho bà N. Bà N không đồng ý trả nhà và đất này lại cho Ngô Thùy D.

+Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thùy D. Công nhận căn nhà và đất thuộc khu C, thửa 22 (lô số 3), diện tích 150 m², tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ ấp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long cho chị Ngô Thùy D. Tuy nhiên, Bà Nguyễn Thị KN được sử dụng phần căn nhà và đất thuộc khu C, thửa 22 (lô số 3), diện tích 150 m², tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ ấp Tân Y, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long. Buộc bà Nguyễn Thị KN bồi hoàn giá trị căn nhà và đất lại cho chị Ngô Thùy D tổng số tiền là 191.898.160 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị KN phải nộp 9.895.000 đồng. Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá là 1.619.300 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị KN phải nộp 1.619.300 đồng để trả lại cho chị Ngô Thùy D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp và pháp luật áp dụng giải quyết vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và nhà ở” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi tạm trú tại xã TT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Từ khi giải quyết đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Xét văn bản ủy quyền:

- Chị Ngô Thùy D ủy quyền cho anh Nguyễn Thanh N theo văn bản ủy quyền ngày 9/3/2019 là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thùy D:

Chị D cho rằng tiền mua nhà 80.000.000 đồng; tiền sửa nhà 150.000.000 đồng; Tiền mở tiệm tạp hóa cho bà Nga là 30.000.000 đồng; bằng hiệu 2.500.000 đồng; tiền mua card điện thoại 4.000.000 đồng; tiền mua tủ kem 4.500.000 đồng. Tất cả là tiền của chị D. Số tiền chuyển nhượng nhà và đất và sửa chữa nhà thì có bà Dương Ngọc L là em dâu của bà N và bà Nguyễn Thị L là mẹ của bà N chứng kiến là chị D có gửi tiền cho bà N để trả tiền cho bà R và thợ sửa nhà và trả tiền vật tư. Vì vậy lời trình bày của chị D là có cơ sở để chấp nhận. Chị D yêu cầu bà Nga trả căn nhà và đất và không yêu cầu đòi lại tiền mở tiệm tạp hóa 30.000.000 đồng; bằng hiệu 2.500.000 đồng; tiền mua card điện thoại 4.000.000 đồng; tiền mua tủ kem 4.500.000 đồng, đây là sự tự nguyện của chị D. Xét yêu cầu của chị D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà N cho rằng tiền mua nhà là bà có 30.000.000 đồng, D 20.000.000 đồng, bạn của D là 30.000.000 đồng; tiền sửa chữa, vật tư, công thợ và sơn nhà tổng cộng là 140.000.000 đồng là tiền của bà. Tuy nhiên, theo xác nhận của anh Nguyễn Tánh H thì anh là người trực tiếp nhận tiền từ chị D để sửa chữa nhà như đóng laphong, lợp mái che, làm hàng rào. Anh Nguyễn Tánh H là em ruột của bà N, nên lời trình bày của bà N chưa có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay bà N thừa nhận tiền mua nhà và đất và tiền sửa chữa nhà, tiền mở tiệm tạp hóa là tiền của con bà N là Ngô Thùy D cho bà, bà N cũng có đóng góp một ít tiền nhưng không nhớ là bao nhiêu. Do đó bà N mới được đứng tên giấy tay chuyển nhượng nhà và đất với bà Lê Thị R. Vì vậy bà N xác định căn nhà và đất này là tài sản chung của bà N và 2 con của bà là Ngô Thùy D và Ngô Thùy Á. Bà N làm chủ nhà còn 2 con của bà N là Ngô Thùy D và Ngô Thùy Á muốn về nhà chơi lúc nào cũng được. Tại phiên tòa hôm nay bà N khẳng định tiền mua nhà và đất và tiền sửa chữa nhà, tiền mở tiệm tạp hóa là tiền của con bà N là Ngô Thùy D cho bà N. Bà N không đồng ý trả nhà và đất này lại cho Ngô Thùy D. Xét lời trình bày của bà N không có cơ sở nên Hội

đồng xét xử không chấp nhận. Xét thấy từ khi bà N nhận chuyển nhượng nhà và đất từ bà R thì chị D không có sử dụng mà bà N quản lý sử dụng. Tuy nhiên bà N không có chỗ ở nào khác và có con nhỏ, bà N có công gìn giữ và tôn tạo căn nhà nên cần để căn nhà và đất cho bà N tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp.

Tính về công sức đóng góp của bà N: Căn nhà và đất lúc mới chuyển nhượng là 80.000.000 đồng, tiền sửa chữa 150.000.000 đồng, tổng cộng là 230.000.000 đồng, xem như là nhà mới. Bà N sử dụng từ năm 2016 đến ngày xét xử thì căn nhà bị giảm giá trị sử dụng còn lại theo biên bản định giá ngày 8/10/2019 của Hội đồng định giá Huyện BT, tỉnh Vĩnh Long là 191.898.150 đồng (kể cả nhà và đất). Đáng lẽ ra chị D phải trả tiền công sức đóng góp cho bà N nhưng nhà và đất bà N sử dụng từ lúc mới nhận chuyển nhượng cho đến nay. Phần nhà và đất bị giảm giá trị sử dụng xem như bà N được hưởng tương đương phần công sức đóng góp và gìn giữ. Vì vậy cần buộc bà N trả lại giá trị nhà và đất còn lại là 191.898.150 đồng cho chị D là phù hợp.

Xét yêu cầu của chị Ngô Thùy D là có cơ sở nên áp dụng vào các Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thùy D. Công nhận căn nhà và đất thuộc khu C, lô số 3, diện tích 150 m², tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ ấp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long của chị Ngô Thùy D. Giao cho Bà Nguyễn Thị KN được tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà và đất thuộc khu C, lô số 3, diện tích 150 m², tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ ấp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long. Buộc bà Nguyễn Thị KN bồi hoàn giá trị căn nhà và đất lại cho chị Ngô Thùy D tổng số tiền là 191.898.160 đồng.

[5]Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện BT là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá số tiền là 1.619.300 đồng. Do yêu cầu của chị Ngô Thùy D được chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị KN phải nộp 1.619.300 đồng để trả lại cho chị Ngô Thùy D. Chị Ngô Thùy D nộp tiền tạm ứng chi phí đo đạc, khảo sát, định giá là 3.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 02/4/2018. chị D đã nhận lại số tiền thừa là 1.380.700 đồng xong.

[8]Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của chị Ngô Thùy D được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị KN nộp 300.000 đồng án phí quyền sử dụng đất và án phí quyền sở hữu tài sản 9.594.908 đồng. Hoàn trả chị Ngô Thùy D 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012111 ngày 02/4/2018 và 3.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012112 ngày 02/4/2018 tại chi cục Thi hành án huyện BT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 100, 166, 203 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thùy D.
 - Công nhận căn nhà và đất thuộc khu C, lô số 3, chiều ngang 5m, dài 18m, tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ áp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long cho chị Ngô Thùy D.
 - Giao bà Nguyễn Thị KN tiếp tục quản lý và sử dụng căn nhà và đất thuộc khu C, lô số 3, chiều ngang 5m, dài 18m, tọa lạc tại tuyến dân cư vùng lũ áp TY, xã TT, huyện BT, Vĩnh Long. (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 7/3/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long).

Buộc bà Nguyễn Thị KN bồi hoàn giá trị căn nhà và đất lại cho chị Ngô Thùy D số tiền là 191.898.150 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá là 1.619.300 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị KN phải nộp 1.619.300 đồng để trả lại cho chị Ngô Thùy D.

- Chị Ngô Thùy D tiền tạm ứng chi phí đo đạc là 3.000.000 đồng theo phiếu thu ngày 02/4/2018. chị D đã nhận lại số tiền thừa là 1.380.700 đồng xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị KN nộp 300.000 đồng án phí quyền sử dụng đất và án phí quyền sở hữu tài sản 9.594.908 đồng. Tổng cộng 9.894.908 đồng.

- Hoàn trả chị Ngô Thùy D số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012111 ngày 02/4/2018 và số tiền 3.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012112 ngày 02/4/2018 tại chi cục Thi hành án huyện BT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai có mặt đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Ng, chị Ngô Thùy D, bà Nguyễn Thị KN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSNDH Bình Tân;
- THADSH Bình Tân;
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Lưu hồ sơ.

PHẠM THÀNH TỰU